

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 649 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 01 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khu dân cư thương mại NVTGroup, quy mô diện tích 89.235,7 m²,
dân số khoảng 1.912 người tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành,
huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần NVTGroup làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư
thương mại NVTGroup, quy mô diện tích 89.235,7m², dân số khoảng 1.912 người
tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
do Công ty Cổ phần NVTGroup làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi
kèm Công văn số 18/ĐTM-NVT ngày 18/3/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
133/TTr-STNMT ngày 31/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Khu dân cư thương mại NVTGroup, quy mô diện tích 89.235,7 m², dân số
khoảng 1.912 người (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần NVT Group (sau
đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành,
huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành
kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi
trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã
được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chỉ cục trưởng Chỉ cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND thị trấn Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần NVTGroup và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-24-QBPD-01/4).

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ THƯƠNG MẠI NVTGROUP, QUY MÔ DIỆN TÍCH
89.235,7 m², DÂN SỐ KHOẢNG 1.912 NGƯỜI TẠI KHU PHỐ TRUNG LỢI,
THỊ TRẤN CHƠN THÀNH, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
DO CÔNG TY CỔ PHẦN NVTGROUP LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số ...6.19.../QĐ-UBND ngày .01../.4../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Khu dân cư thương mại NVTGroup, quy mô diện tích 89.235,7 m², dân số khoảng 1.912 người.

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần NVTGroup.

Công ty Cổ phần NVTGroup được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3801182413 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký lần đầu ngày 16/8/2018, đăng ký cấp lại lần 1 ngày 17/11/2020.

Trụ sở chính: Ấp 4, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Tuyên, chức danh: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 89.235,7 m², dân số khoảng 1.912 người.

1.5. Công nghệ của Dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Bao gồm đất ở, đất công trình công cộng, đất cây xanh, đất hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông, đất bãi xe, đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn xây dựng:* Gồm bụi từ quá trình san nền; bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải từ các máy móc thi công; khí thải từ hoạt động trải nhựa đường; khí thải từ công tác hàn cắt, xì kim loại; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành:* Gồm khí thải từ hoạt động giao thông; khí thải và mùi từ rác thải sinh hoạt; mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải;

nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là cặn bẩn và chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Tổng lưu lượng phát sinh khoảng $04 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , SS, amoni, chất hoạt động bề mặt, tổng phospho, dầu mỡ động thực vật, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng khoảng $214,15 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , SS, amoni, chất hoạt động bề mặt, tổng photpho, dầu mỡ động thực vật, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Bụi, khí thải do quá trình sử dụng nhiên liệu xăng của xe cộ*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO.

- *Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, HC, NO_x , bụi.

- *Bụi phát sinh từ quá trình san nền*: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đất, san nền khoảng $0,00014 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , VOC, NO_x , CO.

- *Bụi và khí thải từ máy móc thiết bị thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO.

- *Khí thải từ hoạt động trải nhựa đường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, khói thải từ các thiết bị thi công cơ giới, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công, mùi hôi phát sinh do đốt nóng chảy nhựa, trải nhựa dính bám...

- *Khí thải từ các hoạt động hàn cắt kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x .

- *Bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Xylen, toluene, benzen.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Khí thải từ hoạt động giao thông*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC.

- *Khí thải và mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S , NH_3 ...

- *Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S , CH_4 ...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Tổng khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công là 485,264 tấn, chủ yếu là bao bì đựng vật liệu, sắt thép vụn, đất, đá, xi măng rơi vãi...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 50 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm 70% - 80% chất hữu cơ và 20% - 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh từ khu nhà ở khoảng 1.912 kg/ngày; từ khu công cộng, dịch vụ khoảng 2.018,2 kg/ngày. Thành phần bao gồm các loại chất khác nhau như: Thực phẩm, vỏ, lá cây, vỏ ốc, xương, vải, kim loại...

- *Bùn thải*: Lượng bùn cặn từ bể tự hoại của các hộ dân trong Dự án khoảng 23,9 kg/ngày; bùn từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 334 kg/06 tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau dính dầu mỡ, thùng chứa dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 11.472 kg/năm bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, pin, ắc quy thải, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện các linh kiện điện tử.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải xây dựng được thu gom về hồ lắng tạm, dung tích 03 m³ để lắng cặn. Nước thải sau khi lắng cặn được sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi trong giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Chủ dự án thuê 06 nhà vệ sinh di động để công nhân sử dụng trong giai đoạn xây dựng, kích thước của mỗi nhà vệ sinh là: 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m. Khi các hầm chứa trong nhà vệ sinh di động đầy, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường của giai đoạn xây dựng. Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt của Dự án*:

+ Chủ Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải tách riêng biệt. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn của mỗi hộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Nước thải từ khu thương mại dịch vụ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 05 ngăn của khu sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho Dự án với công suất là 250 m³/ngày.đêm. Trường hợp, trong giai đoạn này, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, hệ thống xử lý nước thải của Dự án ngưng hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất là 250 m³/ngày.đêm, quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sau bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0). Chủ Dự án đầu tư hệ thống thoát nước thải bằng đường ống uPVC Ø200 dài khoảng 379 m (bố trí dọc theo tuyến đường đất hiện hữu) dẫn nước thải sau xử lý thoát về điểm đầu nối với hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Văn Linh, sau đó chảy về 01 nhánh của suối Cái cách Dự án khoảng 02 km.

Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Bể điều hoà	04	2,3	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể anoxic	04	2,6	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể aerotank	04	3,2	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bể lắng	04	2,6	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Bồn lọc áp lực	D = 1,5; H = 03			01	Inox
Bể khử trùng	04	1,3	05	01	Bê tông cốt thép, trát chống thấm

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom và đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của địa phương, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, Chủ Dự án phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 250 m³/ngày.đêm cho Dự án, đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) trước khi thoát ra đường ống thoát nước thải và chảy ra nhánh suối chảy ra suối Cái. Trường hợp, trong giai đoạn này, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, hệ thống xử lý nước thải của Dự án sẽ ngưng hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình của xẻ, thu gom thực bì, cành và rễ:* Lượng sinh khối phát sinh sẽ được vận chuyển đến nơi thu mua; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá, vận hành với tối ưu hoá các quá trình thi công; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu; trang bị khẩu trang, bao tay và nút bịt tai cho công nhân; các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào đất:* Che kín các hạng mục công trình gần khu dân cư với khu vực thi công bằng tôn hoặc bạt; tiến hành tưới nước giảm bụi vào những ngày nắng ở những khu vực phát tán bụi, lượng nước phun tưới thích hợp...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên liệu và tập kết máy móc thi công:* Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu (đất, cát, sỏi, xi măng...) và xà bần phải được che phủ hợp lý trước khi vận chuyển để tránh phát tán bụi; sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm nhẹ tải lượng ô nhiễm của khí SO_2 khi máy móc hoạt động; sử dụng phương pháp vận tải thích hợp nhằm giảm bụi như dùng các tấm che chắn xung quanh công trình, công trình cao tới đâu dùng lưới che tới đó; bố trí các chuyến xe chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng ra vào hợp lý, lịch làm việc tránh chồng chéo gây ùn tắc giao thông nơi công ra vào của công trình...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động xây dựng nhà ở, đổ trộn bê tông, trải nhựa làm các tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực Dự án:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; sử dụng công nhân có kinh nghiệm trong hoạt động xây dựng nhà ở, lát gạch vỉa hè nhằm hạn chế phát sinh bụi và nước trộn rò rỉ ra nền, mặt đường hiện hữu; sử dụng lưới che chắn tại khu vực xây dựng nhà, trộn vữa xi măng phát sinh nhiều bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt kim loại:* Bố trí khu vực hàn xì, cắt, sơn ở khu vực có ít người qua lại và cuối hướng gió, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:* Đảm bảo diện tích trồng cây xanh trong khu dân cư; tưới đường nội bộ thường xuyên nhằm giảm lượng bụi phát sinh từ các phương tiện vận chuyển trong khu dân cư, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh...

- *Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ các thùng chứa rác thải:* Bố trí số lượng thùng thu gom rác có nắp đậy ở các khu vực nhà ở và khu thương mại dịch vụ, không để rác thải tràn ra khỏi thùng chứa, bố trí thời gian thu gom vào những thời điểm có mật độ người lưu thông thấp trong ngày, định kỳ vệ sinh các thùng chứa này để giảm mùi hôi; rác thải sinh hoạt phát sinh được thu gom mỗi ngày, không để tập trung thời gian dài...

- *Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải*: Hệ thống thu gom nước thải được xây ngầm, kín; thường xuyên kiểm tra lượng vi sinh trong bể; vận hành đúng kỹ thuật; bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải với chiều rộng ≥ 10 m đảm bảo khoảng cách quy định...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại và lưu chứa trong 03 thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa có nắp đậy loại 60 lít. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị 05 thùng chứa rác với thể tích 120 lít có nắp đậy tại công trường để chứa lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hằng ngày theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình, từng hộ gia đình tự đầu tư các thùng chứa rác có thể tích thích hợp để lưu chứa rác thải sinh hoạt trong thời gian 01 ngày. Đối với rác đường phố, Chủ Dự án bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa HDPE dung tích 60 lít, có nắp đậy, với khoảng cách 100 m/thùng để lưu chứa. Đối với khu công cộng bố trí 02 thùng rác 120 lít, vật liệu HDPE, có nắp đậy. Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của Dự án với tần suất 01 lần/ngày theo đúng quy định.

- *Bùn thải*: Đối với bùn, cặn từ bể tự hoại, các hộ gia đình, khu thương mại dịch vụ định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn

vị có chức năng đề thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Các chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, lưu chứa tại 05 thùng chứa HDPE, dung tích 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại với kích thước 02 m x 02 m, kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông cốt thép... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Chủ Dự án định kỳ họp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Mỗi hộ gia đình tự đầu tư thùng chứa để lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ Dự án họp đồng với đơn vị có chức năng tổ chức thu gom và xử lý theo quy định, định kỳ 06 tháng thu gom 01 lần, vào đợt thu gom sẽ thông báo cho người dân để đến thu gom chất thải của từng hộ dân và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh việc các máy móc gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường

theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt; máy móc và thiết bị phải được thiết kế sao cho tránh được tối đa các cú va chạm trong khâu bốc xếp vật liệu xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông trong khu vực Dự án:* Chủ Dự án đề ra các kế hoạch thi công và cung cấp vật tư thích hợp (cung cấp nguyên liệu theo hình thức cuốn chiếu, không lưu trữ nguyên vật liệu quá nhiều tại nơi thi công), hạn chế các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng vào cùng một thời điểm; hạn chế tình trạng tắc nghẽn giao thông do tập trung vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng về khu đất Dự án bằng cách điều phối hoạt động chuyên chở một cách hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định tốc độ lưu thông tối đa của các loại xe bên trong khu dân cư; Chủ Dự án phải bố trí đúng diện tích trồng cây xanh tạo thành hành lang cách ly dọc theo phía giáp với các tuyến đường vừa tạo cảnh quan, vừa che chắn gió bụi, đồng thời giảm tiếng ồn phát sinh từ Dự án...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế - xã hội:* Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý an ninh trật tự trong vùng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, qui định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng Dự án từ khâu chuẩn bị thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa vào sử dụng; bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng trong khu quy hoạch; các trụ chữa cháy phải bố trí dọc đường với khoảng cách từ 100 – 150 m, nhất là các ngã ba, ngã tư đường...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước thải, nước mưa của Dự án:* Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và đạt yêu cầu về kỹ thuật; theo dõi sự hoạt động của mạng tuyến ống thông qua đồng hồ đo lưu lượng trên các tuyến ống hằng ngày và các thiết bị đo thường được kiểm tra theo

chu kỳ hoặc đột xuất mỗi năm ít nhất 02 lần; thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng công trình.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải*: Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ Dự án phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời; các bể của hệ thống xử lý phải được chống thấm...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, thoát, xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại khu vực thi công của Dự án.
- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.
- *Thông số giám sát*: Tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát nước thải

*** Trường hợp khi khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải của huyện Chơn Thành đi qua:**

- Giám sát nước thải:

+ *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

+ *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, amoni, tổng chất rắn hoà tan, sunfua (tính theo H₂S), tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), nitrat (NO₃⁻), dầu mỡ động thực vật, tổng coliform.

+ *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

+ *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0).

- Giám sát nước mặt:

+ *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí xả nước thải của Dự án tại nhánh suối chảy ra suối Cái.

+ *Thông số giám sát:* pH, TSS, DO, COD, BOD₅, nitrat, amoni, photphat, tổng coliform.

+ *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

+ *Quy chuẩn so sánh:* Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*** Trường hợp khi khu vực dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải của huyện Chơn Thành đi qua:** Chủ Dự án thực hiện đầu nối nước thải của Dự án với hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của huyện Chơn Thành và không thực hiện giám sát chất lượng môi trường nước thải và chất lượng môi trường nước mặt.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa qua xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 279/CV-UBND ngày 10/11/2021 của UBND thị trấn Chơn Thành về việc ý kiến tham vấn về Dự án “Khu dân cư thương mại NVTGroup, diện tích khoảng 89.235 m², dân số khoảng 1.912 người” tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 03/11/2021 tại UBND thị trấn Chơn Thành. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ dự án phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.